

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: 41/2025/DS-ST

Ngày 29 – 09 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Thắng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mạnh và bà Trần Thị Thanh
Thẩm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu
vực 3 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà
Lê Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk
Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 05
năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2025 giữa các đương sự:

- Công ty TNHH MTV T2

Địa chỉ: P tầng A, Saigon Centre toà 2, số F L, P. B, Quận A, TP .

Đại diện theo pháp luật : Ông Đỗ Bích H

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Minh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số B L, Phường B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Trịnh Đình D, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong bản tự khai và đơn khởi kiện của Công ty T2 trình bày:

Ngày 08/03/2023 Công ty T2 (gọi tắt Công ty T2) có giao kết hợp đồng tín
dụng số 1000896183 với ông Trịnh Đình D thông qua việc ông D đề nghị cấp và
Công ty T2 đồng ý cấp tín dụng cho khoản vay với số tiền: 895.000.000 đồng và các
nội dung chính sau đây: Mục đích của khoản vay: Mua 01 xe ô tô Toyota Camry, Số
khung: MR2B53HK804015638, số máy: 1121754A25A, BKS: 47A-562.75. Đồng
thời, chiếc xe này là tài sản được ông D thế chấp tại Công ty T2 trong suốt thời hạn

vay để bảo đảm cho khoản vay nêu trên. Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay: 12.59%/năm, lãi suất được cố định trong suốt thời hạn vay. Ngoài ra, nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán, phải chịu lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán

Từ sau khi giao kết hợp đồng tín dụng với nội dung nêu trên, Bên vay không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty T2. Ông D đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, mặc dù Công ty T2 liên tục liên hệ nhắc nhở, gửi yêu cầu thanh toán số tiền phải trả cũng như yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm để Công ty T2 xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nhưng ông D vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện. Vì vậy, hành vi vi phạm hợp đồng này đã gây nhiều khó khăn cho Công ty T2 trong hoạt động kinh doanh của mình.

Như vậy, việc ông D không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả là vi phạm Điều 12 của các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng – một phần không tách rời của hợp đồng tín dụng số 1000896183. Căn cứ theo Điều 12 các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng số 1000896183, Công ty T2 có quyền chấm dứt việc cho vay, buộc ông Trịnh Đình D có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ đã quá hạn và toàn bộ số dư nợ còn lại của hợp đồng tín dụng cho Công ty T2 số tiền 1.281.185.868đ (trong đó nợ gốc là 895.000.000đ, nợ lãi trong hạn 112.989.214đ và lãi quá hạn 273.196.654đ) tính đến ngày 12/09/2025.

Những điều khoản trên của hợp đồng tín dụng được nêu chi tiết tại các Điều 6, 12, 17 của các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng, đồng thời những quy định này cũng phù hợp với những quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng N1 ban hành ngày 30/12/2016.

Do vậy, để quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T2 chúng tôi được đảm bảo, các quy định của pháp luật được tôn trọng và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Công ty T2 kính đề nghị Quý Tòa án:

- Buộc ông Trịnh Đình D thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ Công ty T2 là 1.281.185.868 đồng và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất quá hạn được quy định theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông D thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu.

- Sau ngày bản án có hiệu lực, ông D không thanh toán toàn bộ số tiền theo yêu cầu của Công ty T2 được chấp thuận thì buộc kê biên phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông D tại Công ty T2 là 01 xe ô tô Toyota Camry. Số khung: MR2B53HK804015638, số máy: 1121754A25A, BKS: 47A-562.75 để cân trừ vào nghĩa vụ trả nợ của ông D. Trong trường hợp số tiền thu được từ phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ số tiền theo yêu cầu của Công ty T2 được chấp thuận, ông D phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T2 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông Trịnh Đình D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Trịnh Đình D để giao thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trịnh Đình D vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ do phía nguyên đơn cung cấp, thì chính quyền địa phương cho biết hiện nay ông Trịnh Đình

D đã bỏ đi khỏi địa phương ở buôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk mà không có tin tức gì. Phía nguyên đơn cũng đã xác nhận không biết địa chỉ cư trú hiện nay của bị đơn ở đâu. Khi bỏ đi, ông cũng không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS 2015; Điều 299, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T2:

Buộc ông Trịnh Đình D thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ Công ty TNHH MTV T2 là 1.281.185.868đ (trong đó nợ gốc 895.000.000đ, nợ lãi trong hạn 112.989.214đ, lãi quá hạn 273.196.654đ) tạm tính đến ngày 12/9/2025 và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất quá hạn được quy định theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Trịnh Đình D thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu.

Trường hợp ông Trịnh Đình D không trả hết nợ thì Công ty kê biên phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô Toyota Camry, Số khung: MR2B53HK804015638, số máy: 1121754A25A, BKS: 47A-562.75 để cầm trả vào nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp số tiền thu được từ phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ số tiền theo yêu cầu của Công ty được chấp thuận, ông Trịnh Đình D phải tiếp tục thanh toán cho công ty cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông Trịnh Đình D trả hết nợ thì Công ty có trách nhiệm trả lại bản chính giấy tờ xe là xe 01 xe ô tô Toyota Camry, Số khung: MR2B53HK804015638, số máy: 1121754A25A, BKS: 47A-562.75

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty T2 khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Đình D phải trả số tiền vay là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

[2] Về Thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông Trịnh Đình D vẫn vắng

mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thì đã có cơ sở xác định:

Ngày 08/03/2023, ông Trịnh Đình D đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 1000896183 với Công ty T2 để vay số tiền 895.000.000 đồng. Đến ngày 08/03/2024 khoản nợ vay của ông Trịnh Đình D đã chuyển qua nợ quá hạn nhưng ông Trịnh Đình D không thanh toán nợ cho Công ty T2.

Tổng số tiền của khoản vay nói trên mà ông Trịnh Đình D còn nợ của Công ty T2 đến ngày tính đến ngày 12/09/2025 là 1.281.185.868đ (trong đó nợ gốc là 895.000.000đ, nợ lãi trong hạn 112.989.214đ và lãi quá hạn 273.196.654đ).

Xét các hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, đến thời hạn trả nợ 08/03/2024 mà ông Trịnh Đình D không trả nợ cho Công ty T2 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng nên Công ty T2 có quyền yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Do đó, cần buộc mà ông Trịnh Đình D trả nợ toàn bộ số tiền 1.281.185.868đ (trong đó nợ gốc là 895.000.000đ, nợ lãi trong hạn 112.989.214đ và lãi quá hạn 273.196.654đ) tạm tính đến ngày 12/09/2025 cho Công ty T2 là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Ông Trịnh Đình D còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 13/09/2025 cho tới khi thanh toán hết nợ gốc cho Công ty T2 theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Để đảm bảo cho khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng ông Trịnh Đình D đã thế với Công ty T2 tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô Toyota Camry, Số khung: MR2B53HK804015638, số máy: 1121754A25A, BKS: 47A-562.75. Xét hợp đồng tín dụng có thế chấp tài sản là 01 xe ô tô Toyota Camry, Số khung: MR2B53HK804015638, số máy: 1121754A25A, BKS: 47A-562.75 được các bên ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trịnh Đình D vẫn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty T2 được quyền xử lý tài sản thế chấp (hoặc quyền yêu cầu thi hành án dân sự) để thu hồi số nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản đã ký.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà ông Trịnh Đình D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là:

800.000.000đ án phí là 36.000.000đ

$1.281.185.868đ - 800.000.000đ \times 3\% = 14.435.000đ$ (đã làm tròn)

Tổng số tiền án phí là $36.000.000đ + 14.435.000đ = 50.435.000đ$

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 299, Điều 323, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T2

Buộc ông Trịnh Đình D phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV T2 số tiền 1.281.185.868đ (trong đó nợ gốc là 895.000.000đ, nợ lãi trong hạn 112.989.214đ và lãi quá hạn 273.196.654đ) tạm tính đến ngày 12/09/2025 và tiếp tục tính lãi từ ngày 13/09/2025 theo hợp đồng tín số 1000896183 ngày 08/03/2023 cho đến khi ông Trịnh Đình D thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

- Khi ông Trịnh Đình D trả hết nợ thì Công ty TNHH MTV T2 có trách nhiệm trả lại cho mà ông Trịnh Đình D bản chính Giấy tờ là xe ô tô Toyota Camry, Số khung: MR2B53HK804015638, số máy: 1121754A25A, BKS: 47A-562.75.

- Trường hợp ông Trịnh Đình D không trả được toàn bộ số nợ trên thì Công ty TNHH MTV T2 được quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc quyền yêu cầu thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng số số: 1000896183 ngày 08/03/2023 đối với tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô Toyota Camry, Số khung: MR2B53HK804015638, số máy: 1121754A25A, BKS: 47A-562.75.

Về án phí: Ông Trịnh Đình D phải chịu 50.435.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH MTV T2 số tiền 9.366.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Công ty TNHH MTV T2 đã nộp theo biên lai số AA/2003/0008045 ngày 05/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Mgar (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đăk Lăk).(ông Nguyễn Quang T1 trực tiếp nộp)

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

ĐẶNG NGỌC THẮNG